TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 920/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân
2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Huy Khang, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1378/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Vũ Diệu T, sinh năm: 1993;
Địa chỉ: 312 Trần Văn Đ, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bá H, sinh năm: 1993;
Địa chỉ: 214/30 Vạn K, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2019 và các lời khai của bà Lâm Vũ Diệu T trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Bá H tại Ủy ban nhân dân phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian đầu chung sống, bà và ông H có hạnh phúc. Đến khi bà mang thai được 04 tháng thì phát hiện ông H không chung thủy, có mối quan hệ với phụ nữ khác. Do đó, đôi bên phát sinh mâu thuẫn, bà và ông H sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay. Sau thời gian sống ly thân, bà nhận thấy ông H không dành tình cảm cho bà nữa và đã chung sống với người khác, thậm chí ông H còn chửi mắng và có thái độ hậm hực khi tiếp xúc với bà. Bà T đã dành cơ hội cho ông H quay trở về gia đình và hàn gắng tình cảm vợ chồng nhưng ông H vẫn bỏ mặc bà và con chung. Nay nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Bá H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống với ông H, ông bà có 01 (một) con chung tên: Nguyễn Lâm Uyên T, sinh ngày: 24/12/2017. Bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày yêu cầu được tự thỏa thuận với ông H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Bá H, sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để lấy lời khai giải quyết vụ án ly hôn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là ông Nguyễn Bá H tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Huy không có ý kiến phản hồi thông báo về việc thụ lý vụ án cũng không có mặt tại tòa để tham gia tố tụng theo quy định.

Tại phiên tòa,

Căn cứ vào đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03 tháng 6 năm 2020 của bà Lâm Vũ Diệu T, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Bị đơn ông Nguyễn Bá H đã được triệu tập, niêm yết hợp lệ tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Được thể hiện đầy đủ trong bài phát biểu số 80/PB-VKS-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Bá H có nơi cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 nguyên đơn là bà Lâm Vũ Diệu T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Bá H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến khi xét xử lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3].*Về yêu cầu của đương sự:*

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 157/2016, ngày 28/12/2016 do Ủy ban nhân dân phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Bá H và bà Lâm Vũ Diệu T và căn cứ vào lời trình bày của bà T thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Bá H và bà Lâm Vũ Diệu T là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và lời trình bày của bà T trong quá trình giải quyết vụ án, bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Tòa án đã mời ông, bà đến để tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng ông H nhiều lần không có mặt để tham gia hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa xét xử vụ án; Điều này cho thấy ông H không có thiện chí xây dựng lại cuộc sống gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về: Ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"

Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà T và ông H không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng khi ông H đã không chung thủy và không quan tâm, chăm sóc vợ con; Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Bà T có yêu cầu được nuôi con chung; Hội đồng xét xét xử nhận thấy con chung từ khi sinh ra cho đến nay do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Mặt khác, trẻ sinh ngày: 24/12/2017, tức dưới 36 tháng tuổi tính đến thời điểm xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình để giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T yêu cầu được tự thỏa thuận với ông H, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí:

[4].*Về án phí:*

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu của nguyên đơn. Do đó, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 278, và Điều 280 của Bộ Luật Tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lâm Vũ Diệu T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Vũ Diệu T được ly hôn với ông Nguyễn Bá H.

- Về con chung: Giao cho bà Lâm Vũ Diệu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 (một) con chung tên: Nguyễn Lâm Uyên T, sinh ngày: 24/12/2017. Thi hành tại Chi cục thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ý kiến của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Bá H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của của con, khi có căn cứ bà T, ông H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà T tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung với ông H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình 300.000 đồng bà Lâm Vũ Diệu T phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0021371 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà Trâm đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường X, Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc An